TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
TP. CẦN THƠ
* * *

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Woị laị - Tl ưdo - Hanh phuc

Bản án số: 83/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17.9.2018
V/v tranh chấp: "*Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - TP CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Hiếu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông **Nguyễn Hữu Đức**

2/. Bà **Trần Thúy Kiên**

- Thl ky phieh toơ: Ông **Đinh Tuấn Anh** – là Thư ký Toơ an nhah dah quaị ThogNog¹ thành phố Cafi Thz.

¢ Đại diện Viên kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ: Bà **Trần Thị Kiều Oanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2018/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp*"Ly hôn"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Diễm T –** sinh năm: 1994 *(có mặt)*
Địa chỉ: khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.
Chổ ở hiện nay: ấp D, xã E, huyện F, thành phố Cần Thơ.
Bị đơn: Anh **Lê Văn M** - sinh năm: 1993 *(vắng mặt lần 02)*
Địa chỉ: Số 420, tổ 07, khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08.5.2018 và qua các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Lê Thị Diễm T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Trước đây chị và anh Lê Văn M do được mai mối và tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 2014, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trung Kiên ngày 06.4.2014. Vợ chồng chung sống đến tháng 5.2018 thì ly thân cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M không biết lo làm ăn mà lại ham mê cờ bạc, nhiều lần gây nợ, chị T đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh M

vẫn không thay đổi. Nay nhận thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục sống chung nên chị T xin được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị T xác định quá trình chung sống với anh M có 01 con chung tên Lê Minh L – sinh ngày: 02.7.2015, do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Văn M, Tòa án đã tống đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh M không đến Tòa để giải quyết vụ án. Tòa án đã trực tiếp đến nơi cư trú của anh M để làm việc nhưng không gặp được anh M. Qua xác minh thực tế, chính quyền địa phương cho biết: anh M vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng đã bỏ địa phương đi từ tháng 4.2018 chưa trở về, khi đi không có trình báo là đi đâu, làm gì.

Tại biên bản hòa giải ngày 28.4.2018 của tổ hòa giải khu vực Qui Thạnh 1 – phường Trung Kiên, ý kiến anh M trình bày nếu chị T cương quyết không chung sống nữa thì anh cũng đồng ý thuận tình ly hôn nhưng vì anh M nhiều lần vắng mặt không đến Tòa để giải quyết nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được, do đó vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên toà hôm nay: Nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày. Bị đơn anh M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên toà của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng theo quy định pháp luật. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Diễm T được ly hôn với anh Lê Văn M.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Minh L cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về mối quan hệ pháp luật, đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về việc ly hôn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn anh Lê Văn M đã bỏ đi khỏi địa phương, theo hướng dẫn tại Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05.5.2017,

trường hợp này nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, anh M thay đổi nơi cư trú mà không có thông báo cho chị T và chính quyền địa phương biết về nơi cư trú mới cho nên Tòa án vẫn tiếp tục thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung. Xét việc anh M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M là phù hợp.

Về nội dung vụ án:

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M do tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trung Kiên theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống chị T cho rằng anh M không biết chăm lo làm ăn kinh tế gia đình mà lại ham mê cờ bạc, nhiều lần gây nợ, chị T đã khuyên bảo nhưng anh M vẫn không khắc phục được. Tòa án không trực tiếp ghi được lời khai của anh M nhưng tại biên bản hòa giải ngày 28.4.2018 của tổ hòa giải khu vực Qui Thạnh 1 – phường Trung Kiên, ý kiến anh M trình bày nếu chị T không đồng ý tiếp tục chung sống thì anh cũng đồng ý thuận tình ly hôn (bút lục số 06, 07). Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh M đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không hàn gắn được, trong thời gian ly thân anh M bỏ đi khỏi địa phương, không tìm được biện pháp hàn gắn tình cảm để tiếp tục chung sống. Qua đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh M là phù hợp.

[4] Về con chung: Theo chị T xác định giữa chị và anh M chung sống có 01 con chung 01 con chung tên Lê Minh L – sinh ngày: 02.7.2015, hiện do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy cháu L còn nhỏ tuổi và được chị T chăm sóc nuôi dưỡng ổn định từ khi ly thân cho đến nay, nghĩ nên tiếp tục giao cháu L cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con, do chị T xác định có đủ khả năng nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nên Hội đồng không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Theo chị T xác định là không có nhưng do Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh M về vấn đề tài sản chung và nợ chung, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[6] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 147, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014;

- Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05.5.2017;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Diễm T được ly hôn với anh Lê Văn M.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Minh L – sinh ngày: 02.7.2015, do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, tiếp tục giao cháu L cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh M, không ai được quyền ngăn cản. Anh M và chị T được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con vì lợi ích của con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Lê Thị Diễm T phải nộp 300.000đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 004080 ngày 20.6.2018 (công nhận đã nộp xong).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- Chi cục THA Q. Thốt Nốt;
- UBND phường Trung Kiên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

NGUYỄN TRUNG HIẾU